TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 06-02-2023
"Về T/c hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.

2- Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 128 Huỳnh Văn Đảnh, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Số 128 Huỳnh Văn Đảnh, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 907/1 ấp Bình Cang 1, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng H trình bày: Bà H và bà Lê Thị Phương T là bạn bè quen biết với nhau, năm 2022 Bà H cho bà T vay tiền nhiều lần như sau:

- Ngày 27-7-2022, bà T vay số tiền 32.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, thời hạn vay từ ngày 27-7-2022 đến ngày 20-8-2022 trả với lãi suất 2%/tháng.

- Ngày 22-8-2022, bà T vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 07 ngày với lãi suất 2%/tháng.

- Ngày 20-9-2022, bà T vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 02 ngày với lãi suất 2%/tháng.

Tổng cộng tiền gốc Bà H cho bà T vay 3 lần là 87.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay tiền cho đến nay bà T không hoàn trả tiền gốc và tiền lãi. Bà H tìm bà T nhiều lần để thương lượng việc trả nợ nhưng bà T lẫn trốn không gặp. Do đó Bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho Bà H số tiền nợ vay gồm gốc vay là 87.000.000 đồng và tiền tính lãi theo lãi suất 1,67%/tháng từ khi vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là bà Lê Thị Phương T biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T không trình bày ý kiến gửi Tòa án và không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Bà H yêu cầu bà T trả lãi từ ngày vay đến khi xét xử theo mức lãi xuất 1,66% tháng, không yêu cầu trả theo lãi suất nợ quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Hồng H yêu cầu bà Lê Thị Phương T trả 87.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi vay theo các giấy mượn tiền ghi ngày 27-7-2022, ngày 22-8-2022, ngày 20-9-2022, như vậy tranh chấp giữa Bà H với bà T là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Bị đơn là bà T đã được Tòa án thông báo nội dung Bà H khởi kiện, Tòa án đã thông báo ngày giờ mở phiên họp, mở phiên tòa để bà T biết tham gia nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai bà T cũng không có mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo lời trình bày của Bà H và 03 giấy mượn tiền do Bà H cung cấp xác định: Vào ngày 27-7-2022, bà T vay của Bà H số tiền 32.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 27/7/2022 đến ngày 20/8/2022. Ngày 22-8-2022, bà T vay của Bà H số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày. Ngày 20-9-2022, bà T vay của Bà H số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 02 ngày hoàn trả. Thời hạn vay đã hết nhưng bà T không trả tiền nên Bà H khởi kiện. Tòa án đã thông báo cho bà T biết và bà T không phản đối việc Bà H yêu cầu bà T trả 87.000.000 đồng tiền vay và lãi, như vậy yêu cầu khởi kiện của Bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Lãi suất vay các bên thỏa thuận 2%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi

suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, do đó phần lãi suất vượt quá quy định không có hiệu lực. Từ khi vay đến nay bà T chưa trả tiền lãi, do đó bà T phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa Bà H chỉ yêu cầu bà T trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến thời điểm trả nợ (ngày xét xử sơ thẩm) là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể tiền lãi bà T phải trả cho Bà H được tính như sau:

- Lãi của số tiền vay 32.000.000 đồng từ ngày 27-7-2022 đến ngày 06-02-2023 là: 32.000.000 đồng x 1,66% x 06 tháng 10 ngày = 3.364.266 đồng.

- Lãi của số tiền vay 40.000.000 đồng từ ngày 22-8-2022 đến ngày 06-02-2023 là: 40.000.000 đồng x 1,66% x 05 tháng 15 ngày = 3.651.999 đồng.

- Lãi của số tiền vay 15.000.000 đồng từ ngày 20-9-2022 đến ngày 06-02-2023 là: 15.000.000 đồng x 1,66% x 04 tháng 17 ngày = 1.137.100 đồng.

Như vậy tiền lãi bà T phải trả cho Bà H tính tròn số là 8.153.000 đồng.

[3] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Theo yêu cầu của Bà H, ngày 01-11-2022 Tòa án đã ra Quyết định số 09/2022/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự: Phong tỏa tiền bồi thường do thu hồi quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Phương T với số tiền là 63.469.000 đồng hiện tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Tân An, tỉnh Long An đang quản lý để bảo đảm thi hành án trong vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, do đó tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí là 4.757.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng H đối với bà Lê Thị Phương T về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị Phương T phải trả cho bà Trần Thị Hồng H số tiền gốc vay là 87.000.000 đồng theo các hợp đồng vay ghi ngày 27-7-2022, ngày 22-8-2022, ngày 20-9-2022 và 8.153.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 95.153.000 (Chín mươi lăm triệu một trăm năm mươi ba ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 01-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Phương T phải chịu 4.757.000 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn) đồng.

Bà Trần Thị Hồng H không phải chịu án phí, hoàn trả bà Trần Thị Hồng H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.260.000 (Hai triệu hai trăm sáu mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0002721 ngày 31-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06-02-2023. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến